

Bản án số: 31 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-11-2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Anh

2. Ông Nguyễn Quang Học

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Kim Duy Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 13/11/2018, tại hội trường xét xử TAND huyện Tĩnh Gia, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2018/TLST – HNGĐ ngày 14/08/2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 03/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Đình T – Sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị X – Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Thôn Tr, xã Tr, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị X không có lý do (chị X đã được tổng đạt hợp lệ 2 lần).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/06/2018, bản tự khai ngày 14/08/2018 cũng như tại phiên tòa anh Lê Đình X trình bày:

Anh Lê Đình T và chị Đỗ Thị X kết hôn vào ngày 13/6/2006, có tình cảm và tự nguyện; đăng ký kết hôn tại UBND xã T Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Khi cưới cả 2 vợ chồng đều làm tự do, sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Dù chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhưng cứ mỗi lần như thế chị X lại đem con về nhà bố mẹ đẻ ở. Sự việc lặp đi lặp lại nhiều lần mặc dù đã được gia đình và bạn bè khuyên nhủ hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Tháng 12/2010 anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia giải quyết cho anh được ly hôn với chị X. Quá trình giải quyết vụ án, được Tòa án hòa giải tại nên anh đã xin rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ,

tạo cơ hội cho nhau cùng xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái trưởng thành. Song kể từ khi anh rút đơn về thì tình cảm vợ chồng không những không cải thiện được mà còn trầm trọng hơn. Chị X vẫn bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Thị X.

*Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 12/09/2018, chị Đỗ Thị X trình bày:

Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã T Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đầu năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Cũng từ năm 2008 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Trường Lâm sinh sống cho đến nay. Nhưng nguyện vọng của chị là không thống nhất ly hôn với anh Lê Đình T.

2. Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất vợ chồng có 01 con chung là: Lê Đình T1 – Sinh ngày: 18/6/2007.

- Nguyện vọng của anh T: Lâu nay cháu Tường đang ở với chị X. Nay ly hôn nguyện vọng của anh T là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Nguyện vọng của Chị X: Chị đề nghị nếu ly hôn thì chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Đình T1.

3. Về tài sản:

- Anh Lê Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai chị Đỗ Thị X đề nghị anh T phải hoàn trả lại công chăm sóc vật nuôi (gồm có Dê và Lợn) trong thời gian 2 vợ chồng chung sống với nhau.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn là anh Lê Đình T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; còn bị đơn chị Đỗ Thị X theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện quá trình giải quyết chị X đã được Tòa án triệu tập, tuy có nhận giấy nhưng chị không lần nào đến Tòa án để làm việc. Do đó Tòa án phải ủy thác cho UBND xã Trường Lâm tiến hành lấy lời khai của chị X cũng như cháu Tường và tiến hành các thủ tục khác theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, tiêu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Cho anh Lê Đình T được ly hôn chị Đỗ Thị X.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Đình T1 – Sinh ngày: 18/6/2007 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu Tường). Buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu Tường cùng chị X mỗi tháng 700.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Tường tròn 18 tuổi.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị X không được ngăn cấm.

+Về tài sản: Đề nghị HĐXX tách yêu cầu của chị Đỗ Thị X đề nghị anh Lê Đình T phải hoàn trả lại công chăm sóc vật nuôi cho chị (gồm có Dê và Lợn) trong thời gian 2 vợ chồng chung sống với nhau để giải quyết trong vụ án khác khi chị X có yêu cầu và đủ điều kiện khởi kiện vụ án.

- Án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Anh Lê Đình T có mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm của mình theo đơn khởi kiện. Còn chị Đỗ Thị X vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án chị X đã được Tòa án giao thông báo thụ lý và triệu tập nhiều lần đến Tòa án làm việc, tuy có nhận giấy nhưng chị không lần nào đến Tòa án để làm việc. Do đó Tòa án phải ủy thác cho UBND xã Trường Lâm tiến hành lấy lời khai của chị cũng như cháu Tường, tiến hành các thủ tục khác theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ 2 lần nhưng chị X vẫn không đến phiên tòa; căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Đình T và chị Đỗ Thị X là hôn nhân hợp pháp. Bởi lẽ anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa và thực hiện đầy đủ thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh T và chị X là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm. Cả anh T và chị X đều thừa nhận vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh thiết tha đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với chị X. Còn chị X có quan điểm không đồng ý ly hôn với anh T.

Quá trình giải quyết vụ án cả anh T và chị X đều thừa nhận vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay, ai lo phận người đó. Xét thấy tình cảm của anh, chị đã đến mức trầm trọng vì thời gian vợ chồng sống ly thân nhau dài hơn thời gian vợ chồng chung sống với nhau. Năm 2011 anh T cũng đã làm đơn đến Tòa

án đề xin ly hôn với chị X, nhưng được Tòa án hòa giải nên anh đã rút đơn về đề vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái trưởng thành. Nhưng kể từ khi anh rút đơn về đến nay thì chị X vẫn sống ở nhà bố mẹ đẻ và tình cảm của vợ chồng vẫn không cải thiện được. Anh chị vẫn mỗi người một nơi và không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Do đó HĐXX xét thấy mẫu thuẫn vợ chồng đã gay gắt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nguyện vọng ly hôn của anh T là chính đáng và có căn cứ để cho ly hôn.

[3] Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất vợ chồng có 01 con chung là: Lê Đình T1 – Sinh ngày: 18/6/2007. Hiện tại, chị X đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu và chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu Lê Đình T1 (nguyên vọng của chị X phù hợp với nguyện vọng của cháu Tường - khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình) cũng như phù hợp với nguyện vọng của anh T tại phiên tòa là tiếp tục giao cháu Tường cho chị X nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những lý do nói trên nay cần tiếp tục giao cháu Lê Đình T1 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X mỗi tháng 700.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi cháu Tường tròn 18 tuổi. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị X không được ngăn cấm.

[4] Về tài sản: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án anh Lê Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản. Còn chị Đỗ Thị X tại biên bản lấy lời khai chị đề nghị anh T phải trả lại công chăm sóc vật nuôi cho chị (gồm có Dê và Lợn) trong thời gian 2 vợ chồng chung sống với nhau, nhưng không cụ thể số lượng là bao nhiêu và như thế nào, cũng như chị không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không đến Tòa án lần nào trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ và tiến hành đầy đủ các thủ tục đối với chị theo quy định của pháp luật nhưng chị vẫn không có ý kiến gì và giao nộp bất kỳ tài liệu nào cho Tòa án. Do đó không có căn cứ để HĐXX xem xét yêu cầu này của chị Đỗ Thị X nên nghị cần tách yêu cầu này của chị X để giải quyết bằng vụ án khác khi chị X có yêu cầu và đủ điều kiện khởi kiện vụ án.

[5] Về án phí: Trong vụ án này, anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, tiêu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Đình T. Cho anh Lê Đình T được ly hôn với chị Đỗ Thị X.

- Về con chung: Giao cháu Lê Đình T1 – Sinh ngày:18/6/2007 cho chị X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu Tường). Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X 700.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi cháu Tường tròn 18 tuổi. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị X không được ngăn cấm.

- Về tài sản: Giành quyền khởi kiện cho chị Đỗ Thị X đối với anh Lê Đình T bằng vụ án dân sự khác về việc chị yêu cầu anh Lê Đình T phải hoàn trả lại cho chị công chăm sóc vật nuôi (gồm có Dê và Lợn) trong thời gian 2 vợ chồng chung sống với nhau.

- Án phí: Anh Lê Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0003895 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia; anh T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Lê Đình T, vắng mặt chị Đỗ Thị X tại phiên tòa. Tuyên bố anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hạnh